

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 19-8-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1318/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị Hồng N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Tống Thị Hồng N trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 03 tháng 5 năm 1997.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì ông M thường xuyên nhậu nhẹt, tính tình nóng nảy nên khi có chuyện gì không vừa ý là ông M lại chửi mắng, đánh đập vợ con. Gần đây thì ông M không chỉ đánh đập mà còn đập phá đồ đạc khiến bà N mệt mỏi, sợ hãi. Dù ông M đã nhiều lần hứa hẹn sửa đổi nhưng vẫn không thay đổi tính tình. Kinh tế trong gia đình một mình bà làm

trang trải cuộc sống và nuôi con cái, ông M không phụ giúp bà. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà N và ông M có 02 con chung là Huỳnh Minh L, sinh năm 2004 và cháu Huỳnh Huy B, sinh ngày 23/6/2009. Cháu L đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, còn với cháu B thì bà N có nguyện vọng nuôi cháu B và tạm thời không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/7/2024.

Tại hồ sơ có lời khai của ông Huỳnh Văn M thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà N có đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng để ly hôn. Từ khi nộp đơn cho đến nay, bà N đã dọn ra ngoài sinh sống.

Về con chung: Có hai con chung là Huỳnh Minh L, sinh năm 2004 và cháu Huỳnh Huy B, sinh ngày 23/6/2009. Ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi cháu B thì ông không đồng ý vì ông không muốn ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử cho ông Huỳnh Văn M nhưng ông M có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông M. Về con chung: Đề nghị giao cháu B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu L đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu nên không xét. Về nợ chung: Khai không có, không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách đương sự tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tống Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1976 hiện cư trú và đang sinh sống tại: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”; nguyên đơn là bà Tống Thị Hồng N, bị đơn là ông Huỳnh Văn M và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn – bà N và bị đơn – ông M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông M.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tống Thị Hồng N và ông Tống Văn M có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 03/5/1997 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M. Tại biên bản làm việc tại Tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, ông M thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Ông cũng xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Tống Thị Hồng N là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, bà N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông M thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng, đánh đập vợ con, bà đã cho ông nhiều cơ hội sửa chữa nhưng ông không thay đổi. Ông M cũng thừa nhận có sự mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Ông M cho rằng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng dẫn đến ly hôn nhưng ông M lại không đến Tòa trình bày, đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh. Mặt khác, ông M không đến Tòa để thể hiện thái độ muốn hàn gắn, xây dựng gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M đã có mâu thuẫn. Bà N đã dọn ra ngoài sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông M là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà N và ông M có 02 con chung Huỳnh Minh L, sinh năm 2004 và cháu Huỳnh Huy B, sinh ngày 23/6/2009. Cháu L đã trưởng thành nên không xem xét. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu B và tạm thời không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Tại hồ sơ, bà N khai kinh tế trong gia

đình một mình bà làm chi trả, ông M không phụ giúp bà về mặt kinh tế. Quá trình lấy lời khai, ông M không đồng ý giao con chung cho bà N vì không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra các tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc mình có nguyện vọng nuôi con chung là cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Tống Thị Hồng N đối với ông Huỳnh Văn M.

Xử cho bà Tống Thị Hồng N được ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Huy B, sinh ngày 23/6/2009 cho bà Tống Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Huỳnh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn M được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Huỳnh Minh L đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Tống Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017733 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang